TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03/10/2018
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH- TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Ba.

2. Bà Huỳnh Thị Thúy Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận *tham gia phiên tòa*: Ông Hoàng Thái Thoại- Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 10 năm 2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 335/2018/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 8 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2018/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phùng Thị Mỹ H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số a, đường số b, thôn 1, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; *chỗ ở hiện nay*: Số c, đường số d, thôn 2, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 67, đường số 23, thôn 1, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt chị H và anh Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 8 năm 2018, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phùng Thị Mỹ H trình bày: Chị và

anh Nguyễn Văn Tr tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Tr hay uống rượu bên ngoài về gây gỗ, chửi bới, xúc phạm và đánh đập chị. Nhiều lần chị đã khuyên can nhưng anh Tr vẫn không thay đổi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Tr có với nhau 02 con chung tên: Nguyễn Văn B, sinh ngày 17/3/2004 và Nguyễn Văn A, sinh ngày 19/5/2007. Từ ngày sống ly thân cho đến nay chị là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con. Nay ly hôn, chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, giáo dục 02 con, yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng/con (1.000.000đ/tháng/con x 02 con = 2.000.000 đồng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về A sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản hòa giải đều lập ngày 24/8/2018, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn Tr trình bày: Anh và chị Phùng Thị Mỹ H kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M. Quá trình chung sống, bản thân anh cũng thường hay uống rượu, mỗi lần uống rượu do không kiềm chế được bản thân nên anh hay mắng chửi vợ con và đánh đập vợ. Vợ chồng anh đã sống ly thân hơn 02 tháng nay, anh vẫn còn yêu thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Nếu chị H vẫn cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung tên Nguyễn Văn Giáp, sinh ngày 17/3/2004 và Nguyễn Văn A, sinh ngày 19/5/2007. Hiện các con đang sinh sống cùng với chị H. Anh đồng ý giao 02 con cho chị H nuôi dưỡng, giáo dục. Anh sẽ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Tòa án xác định quan hệ pháp luật: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con là đúng pháp luật.

Chị Phùng Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn Tr tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M. Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị thực sự trầm trọng, không còn yêu thương quý trọng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn cương quyết ly hôn nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận ly hôn.

Chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng, giáo dục 02 con: Nguyễn Văn Giáp, sinh ngày 17/3/2004 và Nguyễn Văn A, sinh ngày 19/5/2007. Hai con của anh chị có nguyện vọng được ở chung với mẹ. Chị H yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/con, cho đến khi các con đủ 18 tuổi là hợp lý và anh Tr cũng đồng ý nên cần chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện và thụ lý vụ án: Nguyên đơn làm đơn khởi kiện và Tòa án đã thụ lý vụ án là đúng pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để kết luận đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn Tr tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, do anh Tr thường hay uống

rượu nên có hành vi chửi bới, xúc phạm chị H. Thậm chí, đã nhiều lần anh Tr còn đánh đập chị H. Xét thấy, mặc dù anh Tr không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H, nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị ngày càng trầm trọng, chung sống không có hạnh phúc, do đó nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này sẽ không có lợi cho hai bên. Vì vậy, nghĩ cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về con chung: Anh chị thống nhất thỏa thuận giao 02 con Nguyễn Văn Giáp, sinh ngày 17/3/2004 và Nguyễn Văn A, sinh ngày 19/5/2007 cho chị H nuôi dưỡng, giáo dục. Hơn nữa, 02 cháu Giáp và A đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, cần giao 02 con chung cho chị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp pháp luật.

Chị H yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng/con, cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thấy rằng, yêu cầu của chị H là có căn cứ và phù hợp nên được chấp nhận. Hơn nữa, anh Tr cũng thống nhất giao 02 con cho chị H nuôi dưỡng và đồng ý mức cấp dưỡng theo yêu cầu của chị H.

[2.3] Các đương sự tự thỏa thuận về chia tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H là người khởi kiện ly hôn nên chị phải chịu toàn bộ án phí DSST theo luật định, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Anh Tr phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

[2.5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117

của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về hôn nhân: Chị Phùng Thị Mỹ H ly hôn anh Nguyễn Văn Tr.

2/ Về con: Giao cho chị Phùng Thị Mỹ H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con: Nguyễn Văn Giáp, sinh ngày 17/3/2004 và Nguyễn Văn A, sinh ngày 19/5/2007. Anh Nguyễn Văn Tr phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng/con, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 11/2018 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh Tr có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng anh Tr còn phải chịu lãi theo mức lãi suất 10%/năm, tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

Chị H có quyền yêu cầu thi hành án ngay sau khi xét xử sơ thẩm đối với số tiền anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Tr có nghĩa vụ phải thi hành ngay số tiền mà Hội đồng xét xử buộc phải cấp dưỡng nuôi con theo đơn yêu cầu thi hành án của chị H.

3/ Về án phí: Chị Phùng Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018693 ngày 14/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị H đã nộp đủ án phí DSST.

Anh Nguyễn Văn Tr phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (03/10/2018), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Đức Linh,
-Chi cục THA dân sự huyện Đức Linh,
-UBND xã M, Đức Linh, Bình Thuận,
-Các đương sự,
-Lưu qđ, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Thuận